

Số: 245/QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày 18 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Kế hoạch thực hiện Đề án “Hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới vùng dân tộc thiểu số” năm 2022 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1898/QĐ-TTg ngày 28/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2018-2025”;

Căn cứ Nghị quyết số 90/2017/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Nghị quyết số 181/2018/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Quyết định số 1313/QĐ-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang phê duyệt Kế hoạch số 20/KH-BDT ngày 14/5/2018 của Ban Dân tộc tỉnh về việc thực hiện Quyết định số 1898/QĐ-TTg ngày 28/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2018-2025”;

Căn cứ Quyết định số 3210/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2022 đối với các sở, ban, ngành tỉnh, quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Theo đề nghị của Ban Dân tộc tỉnh tại Tờ trình số 06/TTr-BDT ngày 10 tháng 01 năm 2022.



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch thực hiện Đề án “Hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới vùng dân tộc thiểu số” năm 2022 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang (đính kèm Kế hoạch số 03/KH-BDT ngày 10/01/2022 của Ban Dân tộc tỉnh).

Điều 2. Ban Dân tộc tỉnh là cơ quan đầu mối; chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các sở, ban, ngành và địa phương có liên quan tổ chức triển khai thực hiện các nội dung theo kế hoạch; quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng định mức quy định; tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Ban Dân tộc, Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước Kiên Giang; Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 của QĐ;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Ban Dân tộc tỉnh (03 bộ);
- LĐVP, P. KGVX;
- Lưu: VT, ckbich.



Nguyễn Lưu Trung



Số: 03 /KH-BDT

Kiên Giang, ngày 10 tháng 01 năm 2022

KẾ HOẠCH

Thực hiện Đề án “Hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới vùng dân tộc thiểu số” năm 2022 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

Thực hiện Quyết định số 1313/QĐ-UBND ngày 05/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang phê duyệt Kế hoạch số 20/KH-BDT ngày 14/5/2018 của Ban Dân tộc tỉnh về việc thực hiện Quyết định số 1898/QĐ-TTg ngày 28/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2018-2025”; Nghị quyết số 90/2017/NQ-HĐND ngày 20/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang, quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Kiên Giang và Nghị quyết số 181/2018/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang, về quy định mức chi đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Kiên Giang; Quyết định số 3210/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2022 đối với các sở, ban, ngành tỉnh. Ban Dân tộc tỉnh xây dựng Kế hoạch thực hiện Đề án “Hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới vùng dân tộc thiểu số” năm 2022 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Nâng cao nhận thức về giới và ý thức pháp luật về bình đẳng giới, chuyên đổi hành vi của đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS). Nâng cao vị thế, vai trò của phụ nữ DTTS trong gia đình, xã hội, giảm khoảng cách về giới, tiến tới dần xóa bỏ bạo lực trên cơ sở giới. Góp phần vào sự phát triển, tiến bộ xã hội vùng DTTS trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

2. Yêu cầu

Các hoạt động trong Kế hoạch phải cụ thể, khả thi, bám sát với các nội dung; nhiệm vụ của Đề án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và phù hợp với điều kiện, tình hình thực tế của địa phương. Chú trọng đối với các địa bàn vùng DTTS có biểu hiện, nguy cơ cao bất bình đẳng giới.

Tổ chức chu đáo, đảm bảo an toàn phòng, chống dịch Covid-19 trong các cuộc hội nghị tuyên truyền cho đồng bào dân tộc thiểu số và học sinh, sinh viên trên địa bàn tỉnh.

II. ĐỊA BÀN, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG, MỤC TIÊU CỤ THỂ

1. Địa bàn

Tổ chức triển khai thực hiện trên địa bàn huyện, xã đông đồng bào DTTS, các trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh và Trường Trung cấp Nghề Dân tộc nội trú.

2. Đối tượng

- Đồng bào DTTS; Người có uy tín trong đồng bào các dân tộc thiểu số (người có uy tín); cán bộ cơ sở; đại diện cộng đồng, lãnh đạo tổ, nhóm; cán bộ chi hội, đoàn thể, ưu tiên người DTTS và phụ nữ.

- Ban Giám hiệu và học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh và Trường Trung cấp Nghề Dân tộc nội trú.

III. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bình đẳng giới

- Tăng cường các hoạt động tuyên truyền, cung cấp kiến thức cơ bản pháp luật về bình đẳng giới; hôn nhân và gia đình; phòng chống tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống; phòng chống bạo lực gia đình cho đồng bào DTTS, vận động thường xuyên tại các ấp có đồng bào DTTS sinh sống; tổ chức hội nghị tuyên truyền, phổ biến pháp luật tại ấp, khu phố, xã, phường, thị trấn có đồng bào DTTS.

- Tuyên truyền pháp luật về bình đẳng giới, hôn nhân và gia đình, phòng chống tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống, phòng chống bạo lực trên cơ sở giới trong trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh và Trường Trung cấp Nghề Dân tộc nội trú.

2. Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn kiến thức pháp luật về bình đẳng giới

- Tổ chức hội nghị bồi dưỡng kỹ năng tuyên truyền các vấn đề liên quan đến bình đẳng giới cho học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức hội nghị tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, các vấn đề liên quan đến bình đẳng giới cho học sinh trường Trung cấp nghề Dân tộc nội trú.

- Phát huy vai trò của người có uy tín; huy động sự tham gia của cán bộ ấp, khu phố, tổ nhân dân tự quản, học sinh tại các trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh và Trường Trung cấp Nghề Dân tộc nội trú trong việc tuyên truyền vận động, thực hiện bình đẳng giới trên địa bàn và trường học.

3. Xây dựng các mô hình về thực hiện bình đẳng giới

- Tổ chức khảo sát và xây dựng mô hình Câu lạc bộ phụ nữ thực hiện bình đẳng giới tại xã Bình Giang, huyện Hòn Đất nhằm thúc đẩy bình đẳng giới thông qua các can thiệp phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới, hỗ trợ phát triển kỹ năng xã hội và năng lực kinh tế cho phụ nữ DTTS phù hợp với điều kiện kinh tế-xã hội, đặc điểm văn hóa, phong tục ở địa phương.

4. Triển khai thực hiện công tác đảm bảo an toàn phòng, chống dịch Covid-19:

- Tổ chức chu đáo, đảm bảo an toàn phòng, chống dịch Covid-19 trong các cuộc hội nghị tuyên truyền cho đồng bào dân tộc thiểu số và học sinh, sinh viên trên địa bàn tỉnh.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Kinh phí thực hiện Kế hoạch do ngân sách nhà nước đảm bảo. Quản lý và sử dụng ngân sách thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

- Tổng kinh phí thực hiện là **81.000.000 đồng**, bằng chữ: *Tám mươi một triệu đồng (có dự toán chi tiết kèm theo)*.

- Định mức chi thực hiện theo Nghị quyết số 90/2017/NQ-HĐND ngày 20/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang, quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Kiên Giang và Nghị quyết 181/2018/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang, về quy định mức chi đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Kiên Giang.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Chính sách Dân tộc

Tham mưu cho Lãnh đạo ban thực hiện một số nhiệm vụ sau:

- Phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan và địa phương, các trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh và Trường Trung cấp Nghề Dân tộc nội trú tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này.

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức đưa nội dung giáo dục kỹ năng sống, giáo dục về giới, bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới vào các trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh.

2. Văn phòng và Phòng Thanh tra

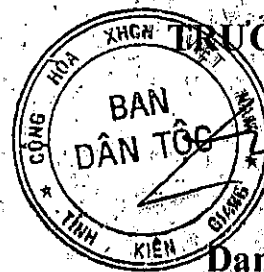
- Văn phòng có trách nhiệm hướng dẫn việc thanh, quyết toán kinh phí theo quy định; bố trí phương tiện, vật chất đảm bảo thực hiện theo Kế hoạch.

- Phòng Thanh tra phối hợp với Phòng Chính sách Dân tộc kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện các nội dung theo Kế hoạch.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Đề án “Hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới vùng dân tộc thiểu số năm 2022” trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để phê duyệt);
- Sở Tài chính, Sở GD & ĐT;
- Trường Ban và các PTB;
- Phòng CSĐT, VP, T. tra;
- Lưu: VT.



Danh Phúc

Tên đơn vị: Ban Dân tộc tỉnh Kiên Giang

BẢNG DỰ TRÙ KINH PHÍ

Thực hiện Quyết định số 1898/QĐ-TTg ngày 28/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ

Đề án “Hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới vùng dân tộc thiểu số” năm 2022

trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

(Kèm theo Kế hoạch số 03/KH-BDT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Ban Dân tộc tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị tính: đồng

Số	Nội dung chi	Thuyết minh cơ sở tính toán	Số tiền	Căn cứ pháp lý lập dự toán	Ghi chú
I	Tổ chức hội nghị tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao kiến thức pháp luật, các vấn đề liên quan đến bình đẳng giới		20.120.000		
1	Chi hội nghị tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao kiến thức pháp luật, các vấn đề liên quan đến bình đẳng giới		5.080.000		
	Photo tài liệu, sơ mi cho đại biểu (60 đại biểu)	40.000 đồng/bộ x 60 học viên	2.400.000	Khoản 2, điều 11 Nghị Quyết 90/NQ-HĐND	
	Tiền thuê Hội trường + maket khai giảng, bẻ giảng + âm thanh, máy chiếu	1.000.000 đồng/ngày x 01 ngày	1.000.000	Khoản 1, điều 11 Nghị Quyết 90/NQ-HĐND	
	Tiền xăng xe tổ chức hội nghị tại các huyện	24.000đ x 45 lít	1.080.000		
	Công tác phí cho Ban tổ chức	120.000 đồng/ngày x 1 ngày x 5 người	600.000	Điểm b, khoản 1, điều 6 Nghị Quyết 90/NQ-HĐND	
2	Chi cho báo cáo viên, giảng viên		2.440.000		



Đơn vị tính: đồng

Số	Nội dung chi	Thuyết minh cơ sở tính toán	Số tiền	Căn cứ pháp lý lập dự toán	Ghi chú
	Chi nước uống giảng viên, báo cáo viên	40.000 đồng/người/ngày x 1 ngày	40.000	Khoản 3, điều 12 Nghị Quyết 90/NQ-HĐND	
	Chi thù lao giảng viên, báo cáo viên	1.200.000 đồng/buổi/giảng viên x 2 buổi	2.400.000	Khoản 3, điều 11 Nghị Quyết 90/NQ-HĐND	
3	Chi cho học viên		12.600.000		
	Hỗ trợ tiền tàu, xe cho đại biểu	50.000 đồng/học viên x 60 học viên	3.000.000	Khoản 2, điều 6 Nghị Quyết 90/NQ-HĐND	
	Hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu	120.000 đồng/học viên/ngày x 60 học viên	7.200.000	Điểm c, khoản 4, điều 12 Nghị Quyết 90/NQ-HĐND	
	Nước uống cho đại biểu	40.000 đồng/người/ngày x 60 học viên	2.400.000	Khoản 3, điều 12 Nghị Quyết 90/NQ-HĐND	
II	Tổ chức hội nghị bồi dưỡng kỹ năng tuyên truyền các vấn đề liên quan đến bình đẳng giới cho học sinh		27.120.000		
1	Chi phục vụ tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao kiến thức pháp luật, các vấn đề liên quan đến bình đẳng giới		13.800.000		
	Photo tài liệu, sơ mi cho học sinh (150 học sinh)	40.000 đồng/bộ x 150 học sinh	6.000.000	khoản 2, điều 11 Nghị Quyết 90/NQ-HĐND	

Đơn vị tính: đồng

Số	Nội dung chi	Thuyết minh cơ sở tính toán	Số tiền	Căn cứ pháp lý lập dự toán	Ghi chú
	Tiền thuê Hội trường + maket khai giảng, bệ giảng + âm thanh, máy chiếu	1.000.000 đồng/ngày x 3 điểm	3.000.000	Khoản 1, điều 11 Nghị Quyết 90/NQ-HĐND	
	Tiền xăng xe tổ chức hội nghị tại huyện (số km của 1 cuộc đi và về, đưa rước giảng viên)	25.000đồng/lít x 40 lít/cuộc x 03 cuộc	3.000.000	Khoản 4, điều 11 Nghị Quyết 90/NQ-HĐND	
	Công tác phí cho Ban tổ chức	120.000 đồng/ngày x 3 ngày x 5 người	1.800.000	Điểm b, khoản 1, điều 6 Nghị Quyết 90/NQ-HĐND	
2	Chi cho báo cáo viên, giảng viên		7.320.000		
	Chi nước uống giảng viên, báo cáo viên	40.000 đồng/người/ngày x.03 ngày	120.000	Khoản 3, điều 12 Nghị Quyết 90/NQ-HĐND	
	Chi thù lao giảng viên, báo cáo viên	1.200.000 đồng/buổi/giảng viên x 6 buổi	7.200.000	Khoản 3, điều 11 Nghị Quyết 90/NQ-HĐND	
3	Chi cho học viên		6.000.000		
	Nước uống cho đại biểu	40.000 đồng/người/ngày x 150 học viên	6.000.000	Khoản 3, điều 12 Nghị Quyết 90/NQ-HĐND	
III	Tổ chức hội nghị tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, các vấn đề liên quan đến bình đẳng giới cho học sinh trường Trung cấp Nghề Dân tộc nội trú		9.040.000		

3A
N
KIẾ

Đơn vị tính: đồng

Số	Nội dung chi	Thuyết minh cơ sở tính toán	Số tiền	Căn cứ pháp lý lập dự toán	Ghi chú
1	Chi phục vụ tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao kiến thức pháp luật, các vấn đề liên quan đến bình đẳng giới		4.600.000		
	Photo tài liệu, sơ mi cho học sinh (50 học sinh)	40.000 đồng/bộ x 50 học sinh	2.000.000	Khoản 2, điều 11 Nghị Quyết 90/NQ-HĐND	
	Tiền thuê Hội trường + maket khai giảng, bệ giảng + âm thanh, máy chiếu	1.000.000 đồng/ngày x 1 ngày	1.000.000	Khoản 1, điều 11 Nghị Quyết 90/NQ-HĐND	
	Tiền xăng xe tổ chức hội nghị tại huyện (số km của 1 cuộc đi và về, đưa rước giảng viên)	25.000đồng/lít x 40 lít/cuộc x 01 cuộc	1.000.000	Khoản 4, điều 11 Nghị Quyết 90/NQ-HĐND	
	Công tác phí cho Ban tổ chức	120.000 đồng/ngày x 1 ngày x 5 người	600.000	Điểm b, khoản 1, điều 6 Nghị Quyết 90/NQ-HĐND	
2	Chi cho báo cáo viên, giảng viên		2.440.000		
	Chi nước uống giảng viên, báo cáo viên	40.000 đồng/người/ngày x 01 ngày	40.000	Khoản 3, điều 12 Nghị Quyết 90/NQ-HĐND	
	Chi thù lao giảng viên, báo cáo viên	1.200.000 đồng/buổi/giảng viên x 02 buổi	2.400.000	Khoản 3, điều 11 Nghị Quyết 90/NQ-HĐND	
3	Chi cho học viên		2.000.000		

Đơn vị tính: đồng

Số	Nội dung chi	Thuyết minh cơ sở tính toán	Số tiền	Căn cứ pháp lý lập dự toán	Ghi chú
	Nước uống cho đại biểu	40.000 đồng/người/ngày x 50 học viên	2.000.000	Khoản 3, điều 12 Nghị Quyết 90/NQ-HĐND	
IV	Xây dựng mô hình Câu lạc bộ phụ nữ thực hiện bình đẳng giới		18.400.000		
1	Khảo sát xây dựng mô hình		2.440.000		
	Chi tiền xăng xe cơ quan hoặc hợp đồng thuê xe	25.000đ x 40 lít	1.000.000		
	Công tác phí (06 người gồm: Lãnh đạo, công chức BDT và Hội LHPN)	6 người x 120.000 đồng	720.000	Điểm b, khoản 1, điều 6 Nghị Quyết 90/NQ-HĐND	
	Tiền nước uống trao đổi công việc với địa phương	12 người x 20.000 đồng	240.000	Khoản 3, điều 12 Nghị Quyết 90/NQ-HĐND	
	Tài liệu	12 bộ x 40.000 đồng	480.000	Khoản 2, điều 11 Nghị Quyết 90/NQ-HĐND	
2	Xây dựng Mô hình ra mắt Câu lạc bộ phụ nữ thực hiện bình đẳng giới		15.960.000		
a	Ra mắt Mô hình		6.020.000		
	Phô tô tài liệu và sơ mi, tập, viết	40.000 đồng x 20 bộ	800.000	Khoản 2, điều 11 Nghị Quyết 90/NQ-HĐND	
	Sổ tay tuyên truyền cơ sở	20.000 đồng x 20 bộ	2.000.000		

Đơn vị tính: đồng

Số	Nội dung chi	Thuyết minh cơ sở tính toán	Số tiền	Căn cứ pháp lý lập dự toán	Ghi chú
	Thuê hội trường Maket, băng rol, khẩu hiệu	1.500.000 đồng/ngày x 01 ngày	1.500.000	Khoản 1, điều 11 Nghị Quyết 90/NQ-HĐND	
	Chi tiền xăng xe cơ quan hoặc thuê xe	25.000đ x 40 lít	1.000.000		
	Công tác phí (06 người gồm: Lãnh đạo, công chức BDT và Hội LHPN)		720.000	Điểm b, khoản 1, điều 6 Nghị Quyết 90/NQ-HĐND	
b	Tổ chức hội nghị tập huấn		9.940.000		
	Phô tô tài liệu và sơ mi, tập, viết	40.000 đồng x 30 bộ	1.200.000	Khoản 2, điều 11 Nghị Quyết 90/NQ-HĐND	
	Báo cáo viên	1.200.000 đồng x 02 buổi	2.400.000	Khoản 3, điều 11 Nghị Quyết 90/NQ-HĐND	
	Chi nước uống giảng viên, báo cáo viên	40.000 đồng/người/ngày x 01 ngày	40.000	Khoản 3, điều 12 Nghị Quyết 90/NQ-HĐND	
	Hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu không hưởng lương	30 đại biểu x 120.000 đồng	3.600.000	Điểm c, khoản 4, điều 12 Nghị Quyết 90/NQ-HĐND	
	Nước uống	30 đại biểu x 40.000 đồng/ngày	1.200.000	Khoản 3, điều 12 Nghị Quyết 90/NQ-HĐND	

Đơn vị tính: đồng

Số	Nội dung chi	Thuyết minh cơ sở tính toán	Số tiền	Căn cứ pháp lý lập dự toán	Ghi chú
	Hỗ trợ tiền tàu, xe cho đại biểu	50.000 đồng/học viên x 30 đại biểu	1.500.000	Khoản 2, điều 6 Nghị Quyết 90/NQ-HĐND	
V	Đảm bảo an toàn phòng chống dịch Covid-19		6.320.000		
TỔNG CỘNG			81.000.000		

Viết bằng chữ: Tám mươi một triệu đồng.